

TOÀ ÁN ND HUYỆN VĨNH LỘC
TỈNH THANH HOÁ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2024/DS-ST.

Ngày: 01 - 02 - 2024

V/v: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

- Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH LỘC – TỈNH THANH HOÁ.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Xuân Sơn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông bà Nguyễn Thị Tường Vân, bà Mai Thị Trang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Lệ Thủy - Thư ký Tòa án, Toà án nhân dân huyện Vĩnh Lộc - tỉnh Thanh Hoá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Không

Trong ngày 01 tháng 02 năm 2024 tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hoá xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 37/2023/TLST-DS ngày 26 tháng 10 năm 2023 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2023/QĐXXST - DS ngày 01 tháng 12 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2023/QĐST - DS ngày 20/12/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/QĐST - DS ngày 18/01/2024 đối với các đương sự:

1. Nguyên đơn: 1. Bà Vũ Thị N - Sinh năm: 1977;

2. Ông Trương Bá Th - Sinh năm 1973;

Đều có nơi ĐKKHKT: thôn P, xã N, huyện V, tỉnh Thanh Hoá.

Đều có nơi cư trú hiện nay: khu phố 2, thị trấn V, huyện V, tỉnh Thanh Hoá.

2. Bị đơn: 1. Bà Đỗ Thị Th - Sinh năm: 1984;

2. Ông Ngô Văn L - Sinh năm 1980;

Đều ĐKKHKT và nơi cư trú hiện nay: Khu phố C, thị trấn V, huyện V, tỉnh Thanh Hóa.

Có mặt bà N, ông Th; vắng mặt bà Th, ông L.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 19 tháng 9 năm 2023, bản tự khai ngày 06/11/2023, quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn ông Trương Bá Th, bà Vũ Thị N trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết, nên ngày 02/02/2022, bà Đỗ Thị Th và ông Ngô Văn L có vay nợ của vợ chồng ông Th, Bà N tổng số tiền 377.000.000 đồng,

với mức lãi suất ghi trong giấy vay, là 2%/01 tháng; bà Th và ông L hẹn bằng lời nói với Bà N, ông Th đến ngày 02/05/2022 bà Th, ông L sẽ trả xong tiền nợ gốc và lãi cho vợ chồng ông Th, Bà N.

Từ khi vay đến trước ngày 22 tháng 02 năm 2022, bà Th đã trả cho ông Th, Bà N 02 lần với tổng số tiền 60.000.000 đồng tiền nợ gốc.

Quá hạn trả nợ, bà Th và ông L chưa trả thêm cho vợ chồng ông Th, Bà N được khoản tiền gốc và tiền lãi nào. Vợ, chồng ông Th, Bà N đã nhiều lần yêu cầu bà Th và ông L trả tiền, nhưng bà Th và ông L cứ khất lần không chịu trả.

Quá trình tố tụng ông Th, Bà N yêu cầu Tòa án giải quyết, buộc bà Đỗ Thị Th và ông Ngô Văn L phải trả cho vợ chồng ông bà số tiền gốc còn lại là 317.000.000 (*Ba trăm, mười bảy triệu đồng*) và số tiền lãi phát sinh với mức lãi suất theo quy định của pháp luật cho đến khi bà Th và ông L trả hết tiền gốc và lãi cho vợ chồng ông Th, Bà N, nhưng trong đơn trình bày ngày 01/12/2023 và tại phiên tòa Bà N, ông Th chỉ yêu cầu bà Đỗ Thị Th phải có trách nhiệm thanh toán cho vợ, chồng ông, bà tổng số tiền nợ gốc còn lại là 317.000.000 đồng và lãi xuất vay nợ là 20%/01 năm, tính từ ngày 22/02/2022 đến ngày xét xử.

Tại bản tự khai ngày 07/11/2023 quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Đỗ Thị Th trình bày như sau:

Ngày 02/02/2022 bà Th có vay nợ của vợ chồng ông Th, Bà N số tiền 377.000.000đ (*Ba trăm bảy mươi bảy triệu đồng*). Việc vay, nợ có giấy tờ viết giấy vay tiền mặt. Việc vay nợ này là của cá nhân bà Đỗ Thị Th với vợ, chồng ông Th, Bà N là do một mình bà Th là người trực tiếp vay tiền; ông Ngô Văn L là (chồng bà Th) không được biết và không tham gia ký kết, giao dịch nên đây là việc vay nợ riêng của cá nhân bà Th và ông Th, Bà N. bà Th vay nợ số tiền trên của ông Th, Bà N để chi tiêu vào việc riêng, ông L không biết gì và không được tham gia, không chi tiêu, sử dụng cùng bà Th số tiền trên.

Việc vay nợ của bà Th với ông Th, Bà N có giấy vay nợ viết tay do bà Th và Bà N, ông Th cùng ký với lãi xuất khi vay là 1.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày, tức là 30%/01 tháng. Tính từ khi vay đến nay bà Th đã trả được cho Bà N, ông Th số tiền gốc, là 60.000.000đ (*Sáu mươi triệu đồng*) thanh toán qua chuyển khoản vào ngày 22/02/2022 và thanh toán lãi xuất vay đều đặn hàng tháng tính từ khi vay cho đến nay bà Th đã thanh toán được khoảng gần 200.000.000đ (*Hai trăm triệu đồng*); tại phiên hòa giải ngày 07 tháng 11 năm 2023 bà Th có ý kiến số liệu và chứng cứ cụ thể bà Th sẽ cung cấp sau, nhưng từ ngày 07/11/2023 đến nay bà Th không đến tòa án làm việc và không cung cấp thêm được tài liệu, chứng cứ nào mặc dù ông L, bà Th đã được triệu tập hợp lệ đến tòa án làm việc nhiều lần.

Bà Th có ý kiến: hiện nay bà đang mắc bệnh nên phải đi điều trị bệnh nặng tại các Bệnh viện nên không có khả năng thanh toán được tiền gốc và lãi cho Bà N, ông Th.

Nay bà Th đề nghị Bà N, ông Th cho bà được trả số tiền gốc còn lại xin được trả mỗi tháng 10.000.000 đồng, không tính lãi suất hàng tháng; Vì lý do sức khỏe phải đi điều trị bệnh thường xuyên. Số tiền trả nợ này do bà Th trực tiếp chịu trách nhiệm thanh toán cho ông Th, Bà N; ông Ngô Văn L không phải chịu trách nhiệm thanh toán số tiền nợ này cùng bà Th.

Tại bản tự khai và tại phiên hòa giải ngày 07 tháng 11 năm 2023 tại tòa án bị đơn ông Ngô Văn L trình bày như sau:

Việc vay nợ này của riêng vợ ông là bà Đỗ Thị Th với vợ, chồng ông Th, Bà N, ông L không được biết và không tham gia ký kết; Nên đây là việc vay nợ riêng của vợ ông với vợ chồng ông Th, Bà N. Vợ ông vay nợ khoản tiền trên để sử dụng vào việc gì ông không biết và không được bà Th bàn bạc, bà Th cũng không sử dụng số tiền vay này vào việc chi tiêu chung cho gia đình và cho cá nhân bản thân ông L.

Do việc vay nợ của vợ ông là bà Đỗ Thị Th với ông Trương Bá Th và bà Vũ Thị N, là việc vay nợ riêng của vợ ông nên ông L không ký kết, không tham gia, không được biết và không được chi tiêu, sử dụng số tiền này, gia đình ông cũng không biết và không được sử dụng đối với khoản vay này. Nên ông L không đồng ý thanh toán khoản tiền này cùng vợ ông cho ông Th, Bà N. Việc thanh toán khoản nợ này do cá nhân bà Th tự thu xếp trả nợ cho ông Th, Bà N.

Quá trình hòa giải: Các đương sự gồm các nguyên đơn bà Vũ Thị N, ông Trương Bá Th và bị đơn bà Đỗ Thị Th, ông Ngô Văn L không thống nhất được nội dung vụ án. Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa ra quyết định đưa vụ án ra xét xử và đã tiến hành tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử cho bà Th, ông L theo quy định của pháp luật nhưng tại phiên tòa ngày 20/12/2023 bà Th, ông L vắng mặt không có lý do, đến phiên tòa ngày 18/01/2024 bà Th, ông L vắng mặt (bà Th có đơn xin hoãn phiên tòa). Đến phiên tòa được mở lần thứ 3 ngày hôm nay (01/02/2023) ông L vắng mặt không có lý do, bà Th tiếp tục có đơn xin hoãn phiên tòa với lý do bà đang phải đi điều trị bệnh nặng tại các Bệnh viện Trung ương, nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ kèm theo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và trong quá trình giải quyết vụ án Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Về tư cách đương sự và thẩm quyền giải quyết vụ án: Do bà Đỗ Thị Th, ông Ngô Văn L có vay nợ của bà Vũ Thị N và ông Trương Bá Th số tiền là 377.000.000 đồng thể hiện bằng giấy vay tiền đề ngày 02/02/2022. bà Th, ông L đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên bà Vũ Thị N, ông Trương Bá Th khởi kiện ra Tòa án yêu cầu phải trả số tiền đã vay là 377.000.000 đồng và số tiền lãi phát sinh theo quy định của pháp luật. Bị đơn bà Đỗ Thị Th, ông Ngô Văn L có nơi đăng ký hộ khẩu và cư trú tại: Khu phố Cao Mật, thị trấn Vĩnh Lộc, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa theo khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 điều 35 và điểm a khoản 1 điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. bà Th chấp nhận ngày 02/02/2022 bà có vay của vợ chồng Bà N, ông Th số tiền là 377.000.000đ, lãi xuất khi vay là 1000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày, tức là 30%/01 tháng (giấy vay nợ ngày 02 tháng 02 năm 2022 ghi lãi xuất vay là 2%/01 tháng). Từ khi vay bà Th đã trả được 60.000.000đ tiền gốc và tiền lãi xuất vay đều đặn hàng tháng tính từ khi vay cho

đến nay bà Th khai nại bà đã thanh toán được khoảng gần 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng) không đúng như nội dung Bà N và ông Th đã trình bày. Các bên chỉ thỏa thuận được số tiền vay ban đầu và số tiền gốc đã trả còn không thỏa thuận được số tiền lãi đã trả, mức lãi suất, về thời gian, phương án trả nợ. Tòa án ra quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định tại điều 220 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa bà Đỗ Thị Th và ông Ngô Văn L vắng mặt lần thứ ba; căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227. Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà Đỗ Thị Th, ông Ngô Văn L.

[2] Về quan hệ tranh chấp và điều luật áp dụng: Trên cơ sở chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, cũng như lời trình bày của nguyên đơn và căn cứ vào khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 280; Điều 463 Bộ luật dân sự 2015 vụ án có quan hệ pháp luật “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản - Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền”.

[3] Nguyên đơn bà Vũ Thị N, ông Trương Bá Th khai cho vợ chồng bị đơn bà Đỗ Thị Th, ông Ngô Văn L vay nợ số tiền 377.000.000đ. Nhưng trong giấy vay nợ đề ngày 02/02/2022 có viết tên ông Ngô Văn L nhưng ông L không ký vào giấy vay tiền. Khoản vay này bà Th là người trực tiếp đi vay, ông L không biết, Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà Th không yêu cầu ông L phải trả nợ cùng bà vì bà Th vay nợ số tiền trên của Bà N, ông Th để chi tiêu vào việc riêng, ông L không biết gì và không được tham gia, không chi tiêu, sử dụng cùng bà Th số tiền trên. Quá trình giải quyết vụ án ông L cũng không nhận trách nhiệm trả nợ cùng bà Th, trong đơn trình bày ngày 01/12/2023 và tại phiên tòa Bà N, ông Th chỉ yêu cầu bà Đỗ Thị Th phải có trách nhiệm thanh toán cho vợ, chồng bà tổng số tiền nợ gốc còn lại là 317.000.000 đồng và lãi xuất vay nợ là 20%/01 năm, tính từ ngày 22/02/2022 đến ngày xét xử. Vì vậy, không có cơ sở về việc buộc ông L phải có trách nhiệm liên đới cùng bà Th trả nợ các khoản tiền vay mà bà Th đã vay của vợ chồng Bà N, ông Th.

[4] Về nội dung: Căn cứ vào giấy vay tiền đề ngày 02/02/2022 thể hiện bà Đỗ Thị Th có vay của vợ chồng Bà N, ông Th số tiền là 377.000.000 đồng (Ba trăm bảy bảy triệu đồng), trong hợp đồng có thỏa thuận vay tiền lãi suất 2%/ tháng nhưng không có thời hạn trả nợ, người vay tiền chỉ một mình bà Đỗ Thị Th ký nhận. Quá trình giải quyết vụ án bà Th trình bày: Ngày 02/02/2022 bà có vay của vợ, chồng Bà N ông Th số tiền 377.000.000đ có giấy vay nợ viết tay do bà Th và Bà N, ông Th cùng ký với lãi suất khi vay là 1000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày, tức là 30%/01 tháng. Tính từ khi vay đến nay bà Th đã trả được cho Bà N, ông Th số tiền gốc, là 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng) thanh toán qua chuyển khoản vào ngày 22/02/2022 và thanh toán lãi xuất vay đều đặn hàng tháng tính từ khi vay cho đến nay bà Th đã thanh toán được khoảng gần 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng); tại phiên hòa giải ngày 07 tháng 11 năm 2023 bà Th trình bày: Số liệu và chứng cứ cụ thể bà Th sẽ cung cấp sau, nhưng từ ngày 07/11/2023 đến nay bà Th không đến tòa án làm việc và không cung cấp thêm được tài liệu, chứng cứ nào mặc dù ông L, bà Th đã được triệu tập hợp lệ đến tòa án làm việc và xét xử nhiều lần.

Bà Th đề nghị Bà N, ông Th cho bà được trả số tiền gốc còn lại xin được trả mỗi tháng 10.000.000 đồng, không tính lãi suất hàng tháng; Vì lý do sức khỏe phải đi điều trị bệnh thường xuyên. Số tiền trả nợ này do bà Th trực tiếp chịu trách nhiệm thanh toán cho ông Th, Bà N; ông Ngô Văn L không phải chịu trách nhiệm thanh toán số tiền nợ này cùng bà Th, nội dung này Bà N, ông Th không chấp nhận. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ cho bà Th, ông L nhưng bà Th ông L không đến Tòa án làm việc theo giấy triệu tập và thông báo và không xuất trình được chứng cứ để chứng minh việc trả nợ. Vì vậy, không có cơ sở để chấp nhận nội dung đối với khoản đã thanh toán lãi 200.000.000đ và mức lãi suất là 1.000đ/1.000.000đ/ngày như bà Th đã trình bày. Bà Vũ Thị N và ông Trương Bá Th là nguyên đơn trình bày và cũng đã xuất trình được chứng cứ chứng minh việc vay nợ giữa bà Th với vợ chồng Bà N, ông Th. Tại giấy vay tiền không thể hiện thời hạn vay, nhưng có lãi suất là 2%/ tháng. Tại biên bản hòa giải ngày 07/11/2023, đơn đề nghị ngày 01/12/2023 và phiên tòa Bà N ông Th chấp nhận nội dung: đến trước ngày 22/02/2022 bà Th đã trả nợ được cho Bà N, ông Th được 60.000.000đ tiền nợ gốc. Như vậy, khẳng định hợp đồng vay tài sản giữa vợ chồng Bà N, ông Th và bà Th là hợp đồng vay tài sản không có thời hạn, nhưng có lãi. bà Th đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán như đã cam kết. Do đó, Bà N, ông Th yêu cầu bà Th phải trả nợ cho Bà N, ông Th số tiền gốc đã vay còn lại là 317.000.000đ là có căn cứ nên được chấp nhận. Buộc bà Đỗ Thị Th phải có trách nhiệm trả cho vợ chồng Bà N, ông Th số tiền nợ gốc và tiền lãi phát sinh là phù hợp với quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về nội dung khai nại của bà Th: khai về việc bà Th đã trả nợ được cho Bà N, ông Th số tiền khoảng 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng) tiền lãi; Số liệu và chứng cứ cụ thể bà Th sẽ cung cấp sau, nhưng từ ngày hòa giải, ngày 07/11/2023 đến nay bà Th không đến tòa án làm việc và không cung cấp thêm được tài liệu, chứng cứ nào mặc dù ông L, bà Th đã được triệu tập họp lệ đến tòa án làm việc và xét xử nhiều lần, nên nội dung này HĐXX không có căn cứ để chấp nhận.

Đối với số tiền 60.000.000đ bà Th khai đã trả cho Bà N ông Th vào tiền gốc đã vay, Bà N, ông Th cũng đã chấp nhận bà Th trả số tiền này vào tiền nợ gốc, nên HĐXX chấp nhận.

[5] Về lãi suất: Giao dịch dân sự giữa bà Vũ Thị N, ông Trương Bá Th và bà Đỗ Thị Th trong giấy vay nợ ngày 02/02/2022 thể hiện không có thời hạn vay nhưng có lãi suất vay nợ là 2%/01 tháng. Trong đơn đề nghị ngày 01/12/2023 và tại phiên tòa ông Th, Bà N yêu cầu bà Th phải thanh toán cho ông, bà tổng số tiền gốc là 317.000.000 đồng + lãi xuất vay nợ trong hạn là 1,66%/tháng tính từ ngày 22/02/2022 đến khi kết thúc phiên tòa sơ thẩm. HĐXX xét thấy đây là yêu cầu hợp pháp phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 468 BLDS năm 2015, thỏa thuận vay nợ của các bên nên chấp nhận. Buộc bà Th phải thanh toán cho ông Th, Bà N tổng số tiền nợ gốc là 317.000.000 đồng + lãi xuất tính từ ngày 22/02/2022 đến 01/02/2024 là 23 tháng 9 ngày = 317.000.000 đồng x 1,66%/01 tháng x 23 tháng 9 ngày = 122.609.000 đồng (một trăm hai mươi hai triệu sáu trăm lẻ chín nghìn) đồng.

Tổng cộng tiền gốc và lãi bà Đỗ Thị Th phải trả cho vợ chồng bà Vũ Thị N, ông Trương Bá Th là 317.000.000 đồng nợ gốc + 122.609.000 đồng tiền lãi = 439.609.000đ (bốn trăm ba mươi chín triệu sáu trăm lẻ chín nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật và người có quyền thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ nói trên thì phải chịu thêm lãi suất theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án tính từ ngày 02/02/2024, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

[6] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị N, ông Trương Bá Th được chấp nhận nên bà Đỗ Thị Th phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch tương ứng với số tiền phải trả nợ. Trả lại cho bà Vũ Thị N, ông Trương Bá Th số tiền tạm ứng án phí đã nộp là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 điều 39; khoản 1 Điều 96, khoản 1 Điều 147, khoản 3 Điều 210, Điều 220; khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 280, Điều 357, Điều 463, Điều 466, khoản 1, khoản 2 Điều 468; Điều 469 của Bộ luật dân sự 2015. Điều 144; Điều 149 của Bộ luật tố tụng dân sự. Khoản 1 Điều 6, điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị N, ông Trương Bá Th về việc buộc bà Đỗ Thị Th phải trả số tiền nợ gốc đã vay và tiền lãi phát sinh.

2. Buộc bà Đỗ Thị Th phải có trách nhiệm trả nợ cho bà Vũ Thị N, ông Trương Bá Th số tiền nợ gốc là 317.000.000 đồng (Ba trăm mười bảy triệu đồng) và tiền lãi là 122.609.000 đồng (Một trăm hai mươi hai triệu sáu trăm lẻ chín nghìn đồng). Tổng số tiền bà Th phải trả cho bà Vũ Thị N, ông Trương Bá Th là: 439.609.000đ (Bốn trăm ba mươi chín triệu sáu trăm lẻ chín nghìn) đồng.

Kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật và người có quyền thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ nói trên thì phải chịu thêm lãi suất theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án tính từ ngày 02/02/2024, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

4. Về án phí: Buộc bà Đỗ Thị Th phải nộp 21.584.000 đồng (Hai mươi một triệu năm trăm tám mươi tư nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Trả lại cho bà Vũ Thị N, ông Trương Bá Th số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 9.425.000đồng (Chín triệu bốn trăm hai mươi lăm nghìn đồng), theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí Tòa án số AA/2021/0004946 ngày 25/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6, 7 và 9 luật thi hành án dân sự và điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án.

Các nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án tại nơi cư trú.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Vĩnh Lộc;
- Các đương sự;
- Tòa án ND tỉnh Thanh Hóa
- Chi cục THADS H. Vĩnh Lộc
- Lưu hồ sơ vụ án

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Xuân Sơn

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trịnh Văn Dũng

Đặng Xuân Sơn

Phạm Hồng Kiên

Nơi nhận:

- VKSND huyện Vĩnh Lộc;
- Các đương sự;
- Tòa án ND tỉnh Thanh Hóa
- Chi cục THA huyện Vĩnh Lộc
- Lưu hồ sơ vụ án

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Xuân Sơn

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND huyện Vĩnh Lộc;
- Các đương sự;
- Tòa án ND tỉnh Thanh Hóa
- Chi cục THA huyện Vĩnh Lộc
- Lưu hồ sơ vụ án

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Xuân Sơn

